TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HSST
Ngày: 11 - 6- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thanh Hương

2. Ông Lý A Hợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị N Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn N**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 15/4/1993 tại tỉnh Đ

Nơi cư trú: Bản P 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ Mú; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; Con ông: Lò Văn N (Còn sống); Con bà: Lò Thị Đ (Còn sống); Vợ: Quàng Thị C; Con: Có 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Ngày 20/11/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 24/11/2020 bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án. Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/9/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, nên đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 01/3/2021 cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị Thu T; Địa chỉ: Số nhà 376, tổ dân phố 10, phường N, thành phố B, tỉnh Đ (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lò Văn N; Địa chỉ: Bản P 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 10/02/2021, Lò Văn N tự ý lấy xe mô tô, biển kiểm soát 27AA-055.60 của ông Lò Văn N (bố đẻ N) đi lên thành phố B tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Trước khi đi bị cáo dùng khẩu trang y tế màu đen để che biển số xe. Khoảng 13 giờ cùng ngày, khi đến khu vực chợ N thuộc tổ 10, phường N, thành phố B, bị cáo thấy chị Nguyễn Thị Thu T dừng xe mô tô trước số nhà 376 rồi đi vào nhà, bị cáo quan sát xung quanh không có ai, nên đi bộ lại gần phát hiện chị T để 01 điện thoại Iphone Xs Max kèm sim và vỏ ốp lưng, có tổng giá trị 9.672.000 đồng ở hộc để đồ dưới tay lái bên trái xe, bị cáo lén lút bí mật dùng tay phải lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần đang mặc, rồi điều khiển xe mô tô đến khu vực tổ 11, phường Nam Thanh, thành phố B thì dừng lại lấy điện thoại ra kiểm tra, thấy hai mặt kính của điện thoại đều nứt vỡ, điện thoại có cài mật khẩu, không mở được. Do sợ đem bán bị phát hiện, bị cáo đã vứt điện thoại xuống bụi cỏ ven đường, rồi điều khiển xe về nhà và tháo khẩu trang che biển số xe vứt đi.

Tại bản kết luận định giá số 12/QĐ ngày 18/02/2021, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố B, tỉnh Đ kết luận: 01 điện thoại Iphone -Xs Max, dung lượng máy 64 Gb, màu vàng, số IMEI: 357296092400541 có giá 9.597.000đ, 01 sim Viettel số 096.520.7661 có giá 25.000đ, 01 ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa màu xanh có giá 50.000đ. Tổng giá trị tài sản định giá là 9.672.000đ.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKSTPĐBP ngày 28/4/2021của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Lò Văn N về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS. xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo N không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự….Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 13 giờ ngày 10/2/2021, tại trước cửa số nhà 376 thuộc tổ dân phố 10, phường N, thành phố B, Lò Văn N đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá 9.672.000 đồng. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn phường N nói riêng, thành phố B nói chung, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS, ngày 20/11/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 24/11/2020 chấp hành xong toàn bộ bản án. Bản án này bị cáo chưa được xóa án tích, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" đối với bị cáo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/ BLHS. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 26/9/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người đã từng có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", khi ra tù, không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cải tạo, giáo dục thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ truy tố bị cáo Lò Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173/ BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở chấp nhận. Đối với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, căn cứ vào hành vi phạm tội, giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp được thấy rằng: Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là cao, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định

tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập gì, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Các vấn đề khác: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, màu đen, BKS 27AA - 055.60, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là của ông Lò Văn N, khi N lấy chiếc xe làm phương tiện phạm tội, ông N không biết, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông N, cũng như không thu giữ chiếc xe máy này. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Vật chứng: Đối với chiếc điện thoại Iphone -Xs Max, dung lượng máy 64 Gb, màu vàng, số IMEI: 357296092400541, 01 sim Viettel số 0965207661, 01 ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa màu xanh. Ngày 03/3/2021, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả tài sản trên cho chị Nguyễn Thị Thu T. Xét việc trao trả này của Cơ quan điều tra là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Bồi thường dân sự: Chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/ BLTTHS, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lò Văn N 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (01/3/2021).

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/ BLTTHS, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Trại tạm giam, Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành